TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 699/2023/HC-PT
Ngày: 22/9/2023
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 117/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"* do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2022/HCST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10651/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Ngô Đức L1 sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 81, khu 7A, phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Bà Đào Thị L2 và bà Khúc Thị Q1, luật sư Công ty luật TNHH T1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Ngô Văn H1, luật sư Văn phòng luật sư H1và liên danh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bị kiện*:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Thành T2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản uỷ quyền số 2179/QĐ-UBND ngày 25/4/2022); vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn A1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2.Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tường H2 - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản uỷ quyền số 1917/QĐ-UBND ngày 05/7/2022); vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đỗ Tuấn N1 – Luật sư Công ty luật K1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Thành T2 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 (theo văn bản uỷ quyền số 2179/QĐ-UBND ngày 25/4/2022); vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn A1 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện: Ông Nguyễn Tiến Q2 - Chủ tịch UBND phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

3. Công ty cổ phần than C3 - V; địa chỉ: Tổ 1 khu C3, phường C4, C2, Quảng Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn S1 - Phó giám đốc Công ty cổ phần than C3-TKV(theo văn bản uỷ quyền số 3121/UQ-TCS-TCLĐ ngày 22/4/2022); vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị T3; địa chỉ: Tổ 1, khu C3 1, phường C4, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Đào Thị L2 và bà Khúc Thị Q1, Luật sư Công ty luật TNHH T1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ông Ngô Văn H1, Luật sư Văn phòng luật sư H1 và liên danh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Người khởi kiện trình bày:

Ông Ngô Đức L1 và bà Đặng Thị T3 đang quản lý, sử dụng một thửa đất tại tổ 85, khu 7A, phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh, có nguồn gốc do tự đổ đất lấn biển từ năm 1993 và nhận chuyển nhượng của một số hộ dân, để làm kinh tế vườn, ao, chuồng. Vật liệu dùng để tôn tạo mặt bằng chủ yếu là gạch, ngói vỡ, đất cát...Trong quá trình sử dụng đất ông L1 xây 01 ngôi nhà cấp 4, 01 móng nhà, 03 ao thả cá, vườn chủ yếu trồng nhãn, vải, chuối và một số loại cây ngắn ngày. Từ năm 1993 đến nay, thửa đất nêu trên không có tranh chấp, không bị xử phạt hành chính về lĩnh vực đất đai và xây dựng. Đến ngày 12/11/2021, UBND phường C1 đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Ngô Đức L1 về hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị. Ngày 25/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành Quyết định số 7082/QĐ-XPVPHC "Xử phạt vi phạm hành chính" (sau đây gọi tắt là quyết định số 7082) đối với ông Ngô Đức L1. Ngày 16/12/2021, ông L1 khiếu nại, đề nghị thu hồi quyết định nêu trên vì ông L1 không có hành vi chiếm đất; quyết định xử phạt vi phạm hành chính vi phạm thẩm quyền, thời hiệu, thời hạn xử phạt. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1674/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 (sau đây gọi tắt là quyết định 1674) không chấp nhận khiếu nại.

Ngày 10/3/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành Quyết định số 1115/QĐ-CCXP "Về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" đối với ông Ngô Đức L1. Ông L1 khiếu nại Quyết định số 1115/QĐ-CCXP. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 (sau đây gọi tắt là quyết định 3071) không chấp nhận khiếu nại.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông L1 khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định số 7082, quyết định số 1674, quyết định số 1115/QĐ-CCXP, quyết định số 3071, đồng thời yêu cầu hủy một phần các quyết định cho thuê đất số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh vì các lý do sau:

[1] Yêu cầu hủy quyết định số 7082 vì: Biên bản vi phạm hành chính số 42/BB-VPHC ngày 12/11/2021 của UBND phường C1 xác định sai mục đích sử dụng đất. Theo Thông báo số 203/TB-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố C2 thì Công ty cổ phần than C3 chưa bàn giao mặt bằng kho than

tại phường C1 cho Ủy ban nhân dân thành phố C2 quản lý. UBND phường C1 chưa xác định được ai là chủ sử dụng thửa đất: hộ ông Ngô Đức L1 hay Công ty cổ phần than C3, hay Ủy ban nhân dân thành phố C2? Xác định không đúng hiện trạng thửa đất. Theo Vi bằng số 25/2022/VB-TPL ngày 08/02/2022 do Thừa phát lại C2, tỉnh Quảng Ninh lập thì hiện trạng thửa đất ông L1 đang quản lý sử dụng tại tổ 85, khu 7A, phường C1 có diện tích 13.806,1m^2. Trên đất có nhà cấp 4, chuồng chăn nuôi, 03 ao cá và nhiều cây trồng trên đất. Thửa đất được tôn tạo từ nhiều loại vật liệu khác nhau như đất bãi thải, gạch, ngói vỡ. Còn biên bản vi phạm hành chính do phường C1 lập thể hiện: Diện tích lấn chiếm khoảng 9.800m^2. Trên đất có 01 nhà cấp 4, 01 móng kè; 01 mái tôn, 01 bể nước, trụ téc nước và trồng một số vất kiến trúc, cây cối hoa mầu trên đất; Biên bản vi phạm hành chính số 42/BB-VPHC ngày 12/11/2021 không lập tại địa điểm vi phạm mà được lập tại UBND phường C1, không bàn giao biên bản vi phạm hành chính cho ông L1, không thông báo cho ông L1 quyền giải trình, trong biên bản không ghi có sơ đồ kèm theo...Do đó, biên bản vi phạm hành chính số 42/BB-VPHC ngày 12/11/2021 của UBND phường C1 không có giá trị pháp lý để làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt hành chính.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082 ngày 25/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành trái pháp luật do đã căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính số 42/BB-VPHC ngày 12/11/2021 được lập trái pháp luật như phân tích ở trên. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành quyết định xử phạt hành chính ngày 25/11/2021 trong khi biên bản xử phạt hành chính lập ngày 12/11/2021 (chậm 6 ngày so với quy định pháp luật) là vi phạm thời hạn ra quyết định xử phạt hành chính; Vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 vì không có tài liệu chứng minh Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao đất cho Ủy ban nhân dân thành phố C2 quản lý.

[2] Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1674 ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 vì ban hành trái pháp luật, vi phạm về việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ, vi phạm về việc áp dụng pháp luật, xác định sai hành vi vi phạm hành chính của ông L1, vi phạm về trình tự, thủ tục đối thoại, xác định thiếu thành phần tham gia đối thoại là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần than C3.

[3] Yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 vì: Quyết định số 1115/QĐ-CCXP không xác định được số lượng tài sản trên đất phải khắc phục hậu quả. Theo kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 28/4/2022 thì khối lượng tài sản của ông L1 nhiều hơn khối lượng tài sản tại biên bản vi phạm hành chính. Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 không xác định đúng đối tượng phải buộc cưỡng chế, được ban hành trên cơ sở thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082 ngày 25/11/2021 có sai phạm như phân tích ở trên nên cũng cần phải hủy bỏ.

[4] Yêu cầu tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071 ngày 30/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 vì: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071 ngày 30/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 nhận định về nguồn gốc thửa đất không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, vi phạm về trình tự thủ tục đối thoại, vi phạm về thu thập chứng cứ giải quyết đối thoại, không triệu tập đúng thành phần tham gia đối thoại.

[5] Yêu cầu hủy một phần các Quyết định số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998, Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 và Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (phần liên quan đến diện tích đất ông L1 đang sử dụng) vì ban hành trái pháp luật, trong quá trình ban hành các quyết định nêu trên, thửa đất ông L1 đang quản lý chưa được tiến hành giải phóng mặt bằng; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh không tiến hành bàn giao đất ngoài thực địa; cho thuê đất, giao đất khi thửa đất đang có người sử dụng đất, chưa có quyết định thu hồi đất, vi phạm các điều 21 Luật đất đai 1993, điều 32 Luật đất đai 2003, điều 53 Luật đất đai 2013.

[6] Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh bồi thường thiệt hại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước do ban hành quyết định trái pháp luật. Thiệt hại bao gồm chi phí thuê luật sư, chi phí đi lại, in ấn tài liệu...trong quá trình giải quyết khiếu nại và khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 có quan điểm:

[1].Về quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082 ngày 25/11/2021 và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1674 ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2:

Ngày 12/11/2021, tại tổ 85, khu 7A, phường C1, thành phố C2, UBND phường C1 đã lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Ngô Đức L1 về hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị (cụ thể: Chiếm diện tích khoảng 9.800m^2 đất đã được UBND tỉnh cho thuê đất, thu hồi đất tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 và Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh để xây dựng nhà, trồng hoa màu trên đất tại tổ 85, khu 7A, phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh).

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính ngày 12/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082 ngày 25/11/2021. Căn cứ điểm d khoản 1 và khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ, phạt tiền ông Ngô Đức L1

45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông L1 khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm.

Người bị kiện khẳng định việc xác định hành vi vi phạm hành chính của ông L1 là có cơ sở, vì: Thửa đất ông L1 đang sử dụng tại tổ 85, khu 7A, phường C1, thành phố C2 có nguồn gốc: Đất do Xí nghiệp vận tải ô tô C2 quản lý sử dụng từ trước năm 1991 và xây nhà cấp 4. Đến năm 1991, xí nghiệp vận tải ô tô C2 bàn giao lại cho Công ty Cổ phần than C3 quản lý đất và nhà trên đất. Năm 1998, Công ty than C3 làm lại thủ tục thuê đất theo Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ và được UBND tỉnh cho thuê đất tại quyết định số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998. Năm 2015, 2018 UBND tỉnh thu hồi lại một phần diện tích đất cho thuê giao Ủy ban nhân dân thành phố C2 quản lý (trong đó có phần diện tích ông L1 hiện đang sử dụng). Đến tháng 10/2020, ông L1 đến chiếm đất, tự ý cải tạo, sửa chữa nhà cấp 4 để sử dụng. Như vậy, ông L1 có hành vi tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước cho phép, được quy định tại điểm a khoản 2 điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 7082 đảm bảo về thẩm quyền, nội dung và hình thức, thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 38; điểm b khoản 4 điều 52; khoản 1 điều 66; khoản 1 điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, và còn trong thời hiệu theo điểm b khoản 2, khoản 4 điều 4 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Tuy nhiên có sai sót lỗi đánh máy trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính ghi biên bản vi phạm hành chính lập ngày 14/11/2021, thực tế là biên bản vi phạm hành chính lập ngày 12/11/2021.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1674 ngày 30/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và hình thức văn bản. Về nội dung, quyết định 1674 căn cứ nội dung quyết định 7082 nên không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ.

[2]. Về quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 "V/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Ngô Đức L1" và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071 ngày 30/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2: Do ông L1 không thực hiện quyết định số 7082 nên căn cứ khoản 1 điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012, khoản 43 điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020, ngày 10/3/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 "V/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Ngô Đức L1" là đúng quy định pháp luật. Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, hình thức văn bản theo quy định tại khoản 44 điều 1

Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020; điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 và biểu mẫu tại nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071 ngày 30/6/2022 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và hình thức văn bản. Về nội dung quyết định không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ. Do các quyết định hành chính được ban hành đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước của ông L1. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức L1.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có quan điểm:

Căn cứ đơn xin thuê đất ngày 25/12/1997 của Mỏ than C3, biên bản thẩm tra hiện trạng khu đất ngày 31/12/1997 của Sở Địa chính Quảng Ninh, Phòng Địa chính thị xã C2, UBND phường C4, UBND phường C1, Mỏ than C3, Văn bản số 105-CV/UB ngày 08/4/1998 của UBND thị xã C2 xác nhận hiện trạng khu đất không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất xung quanh, các công trình trên đất do mỏ đầu tư nên không phải bồi thường GPMB; Căn cứ Tờ trình số 368 TT/ĐC ngày 18/6/1998 của Sở Địa chính, ngày 14/7/1998 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành quyết định số 1827/QĐ-UBND về việc cho Mỏ than C3 thuê đất tại phường C4, phường C1 để xây dựng trụ sở làm việc, khu tập thể, bãi chứa than, phân xưởng … với diện tích 91.454m^2 trong đó: tại phường C1: 51.009m^2 (bao gồm: Khu nhà tập thể 3 tầng 507m^2; Bãi chứa than: 50.502m^2) và đã ký hợp đồng thuê đất số 77/HĐTĐ ngày 16/9/1998. Nguồn gốc khu đất trong tờ trình số 368 TT/ĐC đã nêu rõ: Mỏ than C3 quản lý sử dụng từ trước theo các quyết định số 490 QĐ/UB ngày 05/3/1981; Quyết định số 777 QĐ/UB ngày 23/11/1984; Quyết định số 1055 QĐ/UB ngày 19/8/1988; Quyết định số 517 QĐ/UB ngày 22/3/1993 đều của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nay làm lại thủ tục thuê đất theo Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ.

Năm 2014, do không có nhu cầu sử dụng đất nên công ty cổ phần than C3 có đơn đề nghị điều chỉnh ranh giới giao đất, thuê đất. Ngày 04/04/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì cùng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C2, UBND phường C1, UBND phường C4, Công ty cổ phần than C3 kiểm tra thực địa khu đất, xác định khu đất xin trả đất không phải thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Ngày 17/9/2014, Công ty cổ phần than C3 có báo cáo số 5865/BC-TCS-ĐTXD về việc xin điều chỉnh ranh giới giao đất, thuê đất, xin trả lại diện tích Bãi chứa than tại phường C1 là 20.197,5m^2, hiện trạng là đất trống, công ty không có nhu cầu sử dụng. Ngày 01/11/2014, UBND phường C1 có Văn bản số 188/UBND

xác nhận toàn bộ diện tích đất xin điều chỉnh ranh giới của Công ty cổ phần than C3 đã và đang quản lý, sử dụng ổn định, không có tranh chấp về đất đai và tài sản trên đất.

Ngày 19/11/2014, Ủy ban nhân dân thành phố C2 có Văn bản số 2312/UBND xác nhận không phải thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên diện tích đất Công ty cổ phần than C3 xin điều chỉnh ranh giới giao đất, thuê đất tại phường C4, phường C1. Ngày 26/11/2014, Ủy ban nhân dân thành phố C2 có văn bản số 2372/UBND về việc xin trả đất và điều chỉnh ranh giới giao đất, thuê đất cho Công ty cổ phần than C3 để xây dựng các công trình phúc lợi, trụ sở làm việc… tại phường C4, phường C1, thành phố C2.

Căn cứ Tờ trình số 742/TTr-TNMT Ngày 31/12/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 về việc điều chỉnh ranh giới diện tích giao đất, thuê đất cho Công ty cổ phần than C3. Trong đó có thu hồi diện tích 20.197,50m^2 đất tại khu bãi chứa than tại phường C1 (đã được thuê đất tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 14/7/1998 của UBND tỉnh) giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C2 quản lý.

Do không còn nhu cầu sử dụng đất, Công ty cổ phần than C3 tiếp tục có đơn xin trả lại một số khu đất trong đó có diện tích khu nhà ở tập thể cảng 10/10. Ngày 5/4/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì cùng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C2, UBND phường C1, UBND phường C4, Công ty cổ phần than C3 tổ chức thẩm tra hồ sơ đất đai.

Ngày 21/5/2018, Ủy ban nhân dân thành phố C2 có Văn bản số 1432/UBND-TNMT về việc cho Công ty cổ phần than C3 xin trả đất và chuyển từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền hàng năm tại các phường Mông Dương, phường C4, phường C2, thành phố C2 trong đó có khu đất nhà tập thể cảng 10/10 (khu bãi chứa than cũ).

Căn cứ Tờ trình số 727/TTr-TNMT-QHKH ngày 06/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần than C3 và chuyển từ hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất trả tiền hàng năm; Trong đó có thu hồi 35.668,4m^2 đất khu nhà ở tập thể tại phường C1 của Công ty than C3 (đã được thuê tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của UBND tỉnh) giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C2 quản lý.

Ngày 22/11/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty cổ phần than C3, Ủy ban nhân dân thành phố C2 đã tiến hành bàn giao đất trên thực địa.

Từ hồ sơ xác định nguồn gốc đất đai nêu trên cho thấy toàn bộ diện tích do Công ty cổ phần than C3 được thuê đất tại Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 14/7/1998 có nguồn gốc Mỏ than C3 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao đất tại Quyết định số 490 QĐ/UB ngày 5/3/1981; Quyết định số 517 QĐ/UB ngày 22/3/1993; Quyết định số 1055 QĐ/UB ngày 19/8/1988; do Xí nghiệp vận tải ô tô C2 quản lý sử dụng theo Quyết định số 777 QĐ/UB ngày 23/11/1984; Đến năm 1998 Công ty cổ phần than C3 làm lại thủ tục hồ sơ xin thuê đất theo Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ. Hiện trạng khu đất khi thuê: Mỏ than C3 đã xây dựng các hạng mục công trình, không có tranh chấp với các hộ sử dụng đất xung quanh, các công trình do Mỏ đầu tư nên không phải bồi thường giải phóng mặt bằng, không có hộ dân. Do đó ông Ngô Đức L1 cho rằng nhà nước giao đất cho Công ty cổ phần than C3 khi chưa tiến hành thu hồi đất của gia đình ông (là người đang sử dụng đất) là không có cơ sở.

Việc ông Ngô Đức L1 yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T3 có quan điểm: Nhất trí với quan điểm của ông Ngô Đức L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố C2 có quan điểm: Căn cứ các quyết định điều chỉnh ranh giới diện tích giao đất, thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, Quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thì Ủy ban nhân dân thành phố C2 được giao quản lý toàn bộ diện tích đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thu hồi của Công ty cổ phần than C3 tại 02 quyết định trên. Trong đó, có 20.197,50m^2 đất tại khu bãi chứa than tại phường C1 (theo quyết định số 158/QĐ-UBND) và 35.668,4m^2 đất khu nhà ở tập thể (theo quyết định số 3081/QĐ-UBND).

Vị trí đất ông L1 đang quản lý sử dụng tại tổ 85, khu 7A, phường C1, nằm trong ranh giới, tọa độ khu đất thuộc 02 quyết định số 158/QĐ-UBND và quyết định số 3081/QĐ-UBND. Do đất thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C2 quản lý, căn cứ biên bản vi phạm hành chính của UBND phường C1 đối với ông L1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường C1 có quan điểm:

Ngày 11/10/2020, UBND phường C1 kiểm tra, phát hiện ông Ngô Đức L1 đang tự ý lợp mái tôn và sữa chữa lại ngôi nhà cấp 4 có diện tích 62m^2 đã xuống

cấp trên mặt bằng đất thuộc tổ 85 khu 7A phường C1 (trước đây thuộc quản lý của Công ty cổ phần than C3).

Ngày 12/10/2020, UBND phường ban hành thông báo số 59/TB-UBND yêu cầu ông L1 tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố C2 tại Báo cáo số 570/BC-UBND.

Sau đó, trong các ngày 20/10/2020, ngày 18/12/2020 và ngày 05/01/2021, 30/12/2020...cho đến ngày 22/7/2021 ông Ngô Đức L1 tiếp tục sửa chữa ngôi nhà trên, cải tạo 01 móng nhà, đổ đất chiếm mặt bằng khu đất, xây dựng móng kè gạch, cột trụ bê tông, trồng hơn 80 cây chuối... UBND phường C1 đều đã tiến hành lập các biên bản, thông báo yêu cầu tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị nhưng ông L1 không chấp hành.

Ngày 12/11/2021 UBND phường C1 phối hợp với Đội kiểm tra trật tự đô thị và môi trường thành phố lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Ngô Đức L1 về hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị.

Ủy ban nhân dân phường C1 khẳng định việc lập biên bản vi phạm hành chính với ông Ngô Đức L1 là đúng quy định, lập tại thực địa sau đó mang về trụ sở UBND phường để in. Sau khi được nghe đọc biên bản, ông L1 không ký mà chỉ có các thành phần tham gia thuộc UBND và những người làm chứng ký. Do ông L1 không hợp tác nên UBND phường không lập được biên bản giao. Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, xác định việc xử phạt vượt thẩm quyền nên UBND phường C1 đã chuyển Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. UBND phường C1 cũng thừa nhận có thiếu sót không lập biên bản về việc ông L1 không nhận Biên bản vi phạm hành chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần than C3 có quan điểm:

Diện tích đất ông Ngô Đức L1 hiện đang sử dụng tại khu vực tổ 85 khu 7A, phường C1, thành phố C2 thuộc diện tích đất khu bãi chứa than trước đây của Công ty cổ phần than C3. Khu đất "bãi chứa than" có tổng diện tích 50.502m^2 tại khu vực Cảng 10/10 thuộc phường C1, thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh, được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho Công ty cổ phần than C3 thuê đất tại Quyết định số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; Hợp đồng thuê đất số 77/HĐTĐ ngày 16/9/1998; Mục đích sử dụng đất làm bãi chứa than, thời hạn thuê đất là 20 năm kể từ ngày 14/7/1998. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho thuê đất, Công ty đã sử dụng khu đất làm bãi chứa than và hàng năm thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ theo quy định. (có các biên lai nộp thuế đất từ 1998-2015).

Đến năm 2014, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và của Tập đoàn TKV về việc tái cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại sản xuất của các đơn vị, do không có nhu cầu sử dụng một phần khu đất trên, Công ty đã có Tờ trình số 5866/TTr-TCS-

ĐTXD ngày 17/9/2014 về việc xin điều chỉnh ranh giới thuê đất (trong đó xin trả lại 20.197,5m^2 trong tổng số diện tích 50.502,0m^2 tại khu đất bãi chứa than).

Ngày 04/4/2014, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ninh tổ chức thẩm tra khu đất trên và trong nội dung Biên bản thẩm tra đã xác định khu đất Công ty cổ phần than C3 xin trả (diện tích 20.197,5 m^2) không phải bồi thường, giải phóng mặt bằng và đề nghị thành phố C2 xác nhận khu đất trên không có tranh chấp về đất, tài sản trên đất và đã được Ủy ban nhân dân thành phố C2; UBND phường C1; UBND phường C4 gửi Văn bản xác nhận khu đất Công ty cổ phần than C3 xin trả và điều chỉnh ranh giới thuê đất không có tranh chấp về đất, tài sản trên đất, không phải tổ chức giải phóng mặt bằng. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 về việc điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, thuê đất cho Công ty cổ phần than C3, thu hồi 20.197,5m^2 bãi chứa than tại phường C1. Đến năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiếp tục ban hành quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 thu hồi 35.668,4m^2 đất khu nhà ở tập thể tại phường C1 của Công ty cổ phần than C3. Trong quá trình sử dụng đất theo các quyết định số 1827/QĐ-UB, quyết định số 158/QĐ-UBND, Công ty đều sử dụng đất đúng mục đích, ổn định, không có tranh chấp về đất đai từ năm 1998 đến năm 2020.

Sau khi có các quyết định thu hồi, điều chỉnh ranh giới giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND và quyết định số 3081/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Công ty cổ phần than C3 đã không quản lý, sử dụng, không nộp tiền sử dụng đất và cũng không nhận được văn bản nào khác của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố C2 giao phải tiếp tục quản lý khu đất trên. Quan điểm của công ty là yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Những người làm chứng ông Võ Quang V1 và ông Trần Sơn L3 đều có quan điểm khẳng định từ năm 2020 trở về trước, ông Ngô Đức L1 không ở tại địa chỉ tổ 85, khu 7A, phường C1, đồng thời xác nhận đã ký làm chứng vào biên bản vi phạm hành chính ngày 12/11/2021 do UBND phường C1 lập tại tổ 85, khu 7A, phường C1 là đúng. Ngoài ra, ông L3 khai nguyên là phó quản đốc phân xưởng vận tải thuộc Xí nghiệp vận tải ô tô C2, diện tích bãi chứa than do Xí nghiệp quản lý, sau khi hợp nhất với Mỏ than C3 năm 1991 thì Mỏ C3 tiếp tục quản lý sử dụng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 86/2022/HC-ST ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, các Điều 57, 58, 66, 67, 68, khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; khoản 43, 44 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Luật xử lý vi phạm hành chính 2020; Khoản 1 Điều

18, Điều 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Điểm c khoản 1 Điều 65, khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức L1 về việc hủy quyết định số 7082 ngày 25/11/2021, quyết định số 1674 ngày 30/3/2022, quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022, quyết định số 3071 ngày 30/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 và hủy một phần các quyết định cho thuê đất số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước của ông Ngô Đức L1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2022 và ngày 30/9/2022, người khởi kện là ông Ngô Đức L1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: hủy các quyết định số 7082/QĐ-XPVPHC, quyết định 1674/QĐ-UBND, quyết định số 1115/QĐ-CCXP, quyết định 3071/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2; hủy một phần các quyết định số 1827/QĐ-UB, quyết định số 158/QĐ-UBND, quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 bồi thường thiệt hại là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước do ban hành quyết định trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị T3 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: hủy quyết định số số 7082 ngày 25/11/2021, quyết định số 1674 ngày 30/3/2022, quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022, quyết định số 3071 ngày 30/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 và hủy một phần các quyết định cho thuê đất số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2

bồi thường thiệt hại là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước do ban hành quyết định trái pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2, tỉnh Quảng Ninh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy, vụ án đủ điều kiện để xét xử phúc thẩm. Về hình thức, đơn kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định, phù hợp với quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung, các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Ngô Đức L1 và bà Đặng Thị T3 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt; người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Ngô Đức L1 đề nghị Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082/QĐ-XPVPHC

ngày 25/11/2021; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1674/QĐ-UBND ngày 30/3/2022;Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 "Về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" đối với ông Ngô Đức L1; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 đều của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2; Hủy một phần các quyết định cho thuê đất số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của ông Ngô Đức L1 bảo đảm yêu cầu về thời hiệu là chính xác, phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:*

[2.1.1] Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082/QĐ-XPVPHC ngày 25/11/2021, Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 "Về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2: Căn cứ biên bản vi phạm hành chính ngày 12/11/2021, do hành vi vi phạm hành chính có mức xử phạt tiền từ 30.000.000 đồng - 50.000.000 đồng nên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính. Xác định vụ việc có tính chất phức tạp nên kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (ngày 12/11/2021) đến ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (ngày 25/11/2021) là đúng thời hạn (30 ngày) theo khoản 1 điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đảm bảo về thẩm quyền, hình thức, thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 38, khoản 1 điều 68, khoản 1 điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082/QĐ-XPVPHC xác định hành vi vi phạm hành chính là "chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị" được quy định tại điểm a khoản 2 điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ nên việc xử phạt còn trong thời hiệu theo điểm b khoản 2, khoản 4 điều 4 Nghị định 91/2019/NĐ-CP. Sai sót ghi nhầm ngày lập biên bản vi phạm hành chính trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không lập biên bản về việc giao biên bản vi phạm hành chính cho người vi phạm đã được người bị kiện thừa nhận, nhưng không làm thay đổi bản chất của sự việc.

Do ông L1 không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082/QĐ-XPVPHC nên ngày 10/3/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ngày 10/3/2022 "V/v cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Ngô Đức L1" là đúng quy định pháp luật. Quyết định số 1115/QĐ-CCXP ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, hình thức văn bản theo quy định tại điều 86, 87 được sửa đổi tại khoản 43, 44 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Luật xử lý vi phạm hành chính 2020; điều 33 nghị định 166/2013/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 12/11/2013.

[2.1.2] Đối với quyết định giải quyết khiếu nại số 1674/QĐ-UBND, quyết định giải quyết khiếu nại số 3071/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2:

Sau khi nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7082/QĐ-XPVPHC, QĐ cưỡng chế số 1115/QĐ-CCXP của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2, không đồng ý với các quyết định, ông Ngô Đức L1 đã khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại đảm bảo đúng các quy định tại các điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại 2011, điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1674/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3071/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và hình thức văn bản. Về thành phần tham gia đối thoại còn thiếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và thừa các phòng ban của Ủy ban nhân dân nên cần được rút kinh nghiệm.

[2.1.3] Đối với các quyết định cho thuê đất số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 28 Luật đất đai 1993, điều 65, 66 Luật đất đai 2013.

[2.2] *Xét về nội dung*:

[2.2.1] Về yêu cầu hủy các quyết định số 7082/QĐ-XPVPHC, quyết định số 1674/QĐ-UBND, Quyết định số 1115/QĐ-CCXP, quyết định số 3071/QĐ-UBND:

Căn cứ hồ sơ cho thuê đất, biên bản thẩm tra đất đai ngày 31/12/2017 kèm theo quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 14/7/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh xác định nguồn gốc đất Công ty cổ phần than C3 được UBND tỉnh cho thuê gồm một phần Mỏ than C3 sử dụng từ năm 1981 theo quyết định số 490 QĐ/UB ngày 05/3/1981, một phần tiếp quản từ Xí nghiệp vận tải ô tô C2 theo quyết định số 777 QĐ/UB ngày 23/11/1984, một phần của Mỏ than C3 được giao đất, trưng dụng đất để xây nhà ở công nhân, khu tự xây theo quyết định số 1055 QĐ/UB ngày 19/4/1988 và quyết định số 517 QĐ/UB ngày 22/3/1993 của Ủy ban

nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, toàn bộ diện tích đất 91.454 m^2 tại các phường C1, C4 mà Công ty cổ phần than C3 được UBND tỉnh cho thuê tại quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 14/7/1998 đều có nguồn gốc do Mỏ than C3, Xí nghiệp vận tải ô tô C2 sử dụng theo các quyết định trưng dụng đất xây dựng, giao đất năm 1981, 1984, 1988, 1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, được sử dụng làm nhà xưởng, bãi chứa than, nhà ở công nhân, khu tự xây…Quá trình sử dụng đất, hàng năm Công ty cổ phần than C3 nộp tiền sử dụng đất đầy đủ.

Do Công ty cổ phần than C3 có văn bản xin trả đất nên tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh đã thu hồi của Công ty cổ phần than C3 diện tích khu bãi chứa than tại phường C1 (20.197,5m^2) và diện tích khu nhà ở tập thể cảng 10/10 (35.668,4m^2) để giao cho Ủy ban nhân dân thành phố C2 quản lý (tại điều 01 Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 và điều 01 Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018).

Trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành các quyết định cho thuê đất, thu hồi đất nêu trên đều có văn bản của UBND phường C1, Ủy ban nhân dân thành phố C2 xác nhận không có tranh chấp về đất và tài sản trên đất, không phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng (tại các văn bản 105-CV/UB ngày 08/4/1998 của UBND thị xã C2, văn bản số 188/UBND ngày 04/11/2014 của UBND phường C1, văn bản số 2312/UBND ngày 19/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố C2), trên cơ sở các biên bản thẩm tra đất đai giữa UBND phường C1, phường C4, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và Công ty cổ phần than C3 (Biên bản thẩm tra đất đai ngày 31/12/1997; ngày 04/4/2014; ngày 05/4/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

Căn cứ các quyết định phân công quản đốc phân xưởng cảng năm 1997, công văn số 2286/CV-TTN ngày 17/11/2006 của Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam về tiêu thụ than lót nền tại cảng 10/10; Lệnh xuất than năm 2008, các hóa đơn nộp tiền thuê đất cho kho bạc Nhà nước C2 của Công ty cổ phần than C3, xác định Công ty cổ phần than C3 đã sử dụng bãi chứa than 20.197,5m^2 tại phường C1 là một khâu trong dây chuyền sản xuất, tiêu thụ than.

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xác định: Thửa đất ông L1 đang sử dụng có diện tích, vị trí nằm trong ranh giới, tọa độ của diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho Công ty cổ phần than C3 thuê đất tại quyết định số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998 và thu hồi, giao cho Ủy ban nhân dân thành phố C2 quản lý tại các quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Toàn bộ diện tích đất này đã được thẩm tra hiện trạng, xác định không tranh chấp, không phải giải phóng mặt bằng trước khi thu hồi.

Ông Ngô Đức L1 là người đang sử dụng đất tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không xuất trình được các giấy tờ chứng minh có quyền sử dụng đất hợp pháp, không đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại nơi đang sử dụng đất. Đồng thời, trước khi bị lập biên bản vi phạm hành chính ngày 12/11/2021 thì từ tháng 10/2020 cho đến ngày 12/11/2021, ông L1 liên tục có các hành vi đổ đất, trồng cây, xây dựng công trình trên đất...đã được UBND phường C1 lập biên bản. Ông Ngô Đức L1 xuất trình các chứng cứ gồm kết luận giám định tuổi cây của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, ảnh chụp từ vệ tinh…nhưng không đủ căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất của ông L1. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 xác định hành vi vi phạm hành chính của ông Ngô Đức L1 "chiếm đất chưa sử dụng" là đúng quy định pháp luật theo điểm a khoản 2 điều 3 Nghị định 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C2 ban hành quyết định xử phạt hành chính số 7082/QĐ-XPHC về nội dung là đúng quy định pháp luật. Các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện hậu quả quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1115/QĐ-CCXP, quyết định giải quyết khiếu nại số 1674/QĐ-UBND, quyết định giải quyết khiếu nại số 3071/QĐ-UBND căn cứ vào nội dung quyết định 7082/QĐ-XPHC nên các nội dung cưỡng chế buộc thực hiện hậu quả, không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ.

[2.2.2] Đối với các quyết định cho thuê đất số 1827/QĐ-UB ngày 14/7/1998; quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích giao đất, cho thuê đất số 158/QĐ-UBND ngày 19/01/2015, quyết định thu hồi đất số 3081/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh được ban hành trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của Công ty cổ phần than C3, đã được thẩm tra hiện trạng đất đai, được các cấp chính quyền địa phương (UBND phường, Ủy ban nhân dân thành phố C2) xác nhận không có tranh chấp về đất và tài sản trên đất, không thuộc trường hợp phải giải phóng mặt bằng trước khi ban hành quyết định nên đảm bảo quyền lợi cho người được giao đất, thu hồi đất.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Đức L1 và bà Đặng Thị T3, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[3] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, ông Ngô Đức L1 và bà Đặng Thị T3 phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Ngô Đức L1 và bà Đặng Thị T3, giữ nguyên quyết định của Bản án hành

chính sơ thẩm số 86/2022/HCST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Ngô Đức L1 và bà Đặng Thị T3, mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016041 ngày 21/10/2022 (do ông Ngô Đức L1 nộp) và biên lai số 0016046 ngày 24/10/2022 (do bà Đặng Thị T3 nộp) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khánh